

VỀ DI SẢN TƯ LIỆU Ở VIỆT NAM

PHẠM THỊ KHÁNH NGÂN*

TÓM TẮT

Từ việc dẫn luận một số cơ sở khoa học cho việc nhận diện di sản tư liệu, tác giả bài viết đề cập đến tình trạng bảo quản, lưu giữ và phát huy giá trị của di sản tư liệu ở Việt Nam, từ đó, nêu lên một số cơ hội cũng như thách thức, các biện pháp, định hướng cho việc quản lý, bảo vệ di sản tư liệu nói chung và 06 di sản tư liệu thế giới nói riêng.

Từ khóa: di sản văn hóa; di sản tư liệu.

ABSTRACT

From the resulting some scientific basis for the identification of documentary heritage, the author mentions the situation of preservation, retention and promotion of the heritage value of documentary heritage in Vietnam, from there, raised a number of opportunities and challenges, measures and orientations for the management and protection of documentary heritage in general, and 06 world documentary heritage elements in particular.

Key words: Cultural heritage; Documentary heritage.

1- Nhận diện về di sản tư liệu

1.1- Đối với Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO)

UNESCO là một trong những tổ chức chuyên môn lớn của Liên hợp quốc, hoạt động với mục đích “thắt chặt sự hợp tác giữa các quốc gia về giáo dục, khoa học và văn hoá để đảm bảo sự tôn trọng công lý, luật pháp, nhân quyền và tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo” (trích Công ước thành lập UNESCO).

Năm 1972, UNESCO ban hành Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Công ước 1972), là Công ước đầu tiên đưa ra định nghĩa, tiêu chí bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và di sản thiên nhiên. Đến năm 1992, Ủy ban Di sản Thế giới bổ sung và đưa ra khái niệm di sản hỗn hợp hay còn gọi là cảnh quan văn hóa để miêu tả các mối quan hệ tương hỗ nổi bật giữa văn hóa và thiên nhiên của một số khu di sản¹.

30 năm sau, Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO năm 2003 (Công ước 2003)

chính thức ra đời, là một bước tiến mới về nhận thức, phương pháp tiếp cận và nhận diện, cũng như hướng đến mục tiêu chung là bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể - bộ phận quan trọng cấu thành kho tàng di sản văn hóa của nhân loại².

Và, tiếp nối cho việc hoàn thiện các mảnh ghép nội hàm của di sản văn hóa, xuất phát từ nhu cầu ngày càng tăng về việc bảo vệ và tiếp cận những di sản tài liệu quý hiếm có nguy cơ bị xâm hại và mai một tồn tại trong lòng di sản vật thể và di sản phi vật thể tại nhiều nước và khu vực trên thế giới, một khái niệm mới được thai nghén và bước đầu được quan tâm khi UNESCO khởi xướng Chương trình Ký ức Thế giới (MOW) vào năm 1992. Chương trình MOW ra đời nhằm ghi nhận những di sản tài liệu có giá trị, mang tầm quan trọng cấp quốc tế, khu vực và quốc gia, đồng thời, hướng sự chú ý của thế giới tới việc gìn giữ các sưu tập tài liệu quý, hiếm và tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo tồn và tiếp cận chúng.

Theo định nghĩa của UNESCO, “Ký ức thế giới là những hồi ức của các dân tộc trên thế giới được chọn lọc và ghi lại bằng tư liệu, ghi lại sự phát triển

* Cục Di sản văn hóa

về tư tưởng, những khám phá và thành tựu của xã hội loài người. Những di sản tư liệu này đại diện cho một bộ phận lớn di sản văn hóa thế giới. Đó là di sản của quá khứ để lại cho thế giới trong hiện tại và tương lai³.

Đối với UNESCO, tư liệu là “những văn bản” hay “những ghi chép lại” một điều gì đó bởi mục đích sử hữu trí tuệ có chủ ý⁴. Một tư liệu được coi là có hai thành phần: nội dung thông tin và vật mang nội dung thông tin. Cả hai thành tố này đều rất đa dạng và quan trọng như nhau, với vai trò là các bộ phận của ký ức. Được sản sinh trong khuôn khổ các hoạt động của con người, tư liệu có thể có các tính năng liên quan đến bộ nhớ tập thể của một cộng đồng, quốc gia, khu vực hoặc xã hội, phản ánh sự đa dạng của các dân tộc, các nền văn hóa và ngôn ngữ và trở thành một phần di sản của nhân loại. “Di sản tư liệu bao gồm các yếu tố sau:

- Có thể di chuyển được (không bao gồm những hiện vật là một phần của 01 công trình cố định như tòa nhà hay địa điểm tự nhiên, những vật thể có các ký hiệu hay mật mã có tính chất tình cờ liên quan đến mục đích của chúng, hay vật được thiết kế dưới dạng “bản gốc” không được sao chép như những bức tranh, những vật có tính 3 chiều hoặc vật thể nghệ thuật... mặc dù vậy, một số tư liệu như những bản khắc, chữ khắc trên đá, và những bức tranh đá là những tư liệu không di chuyển được);

- Được tạo nên từ các ký hiệu/mật mã, âm thanh và/hoặc hình ảnh;

- Có thể bảo quản được (vật mang tin không phải là vật thể sống);

- Có thể được sao chép và di chuyển được;

- Là sản phẩm của một quá trình lập tài liệu có chủ ý⁵.

Di sản tư liệu có thể là một tài liệu độc lập của bất kỳ thể loại nào, cũng có thể là một nhóm tài liệu dưới dạng một bộ sưu tập, một khối tài liệu hoặc một hệ thống lưu trữ. Một bộ sưu tập tài liệu là một bộ gồm các tài liệu được lựa chọn một cách riêng biệt. Một khối tài liệu bao gồm một hoặc nhiều bộ sưu tập tài liệu được cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào đó lưu trữ hay nhiều hệ thống lưu trữ hoặc nhóm hồ sơ do một cơ quan lưu trữ nào đó lưu giữ.

Hình thức của di sản tư liệu rất đa dạng. Có thể được thể hiện ở dạng văn bản, như: sách báo, bản thảo, tài liệu, tranh áp phích. Có những di sản tư liệu lại được thể hiện ở dạng các bức vẽ, sơ đồ, bản đồ,

bản nhạc. Hoặc dưới hình thức nghe nhìn, như: ảnh, băng, đĩa được ghi lại ở các loại hình khác nhau bằng phương tiện cơ học, kỹ thuật số, điện tử hoặc các phương tiện khác. Di sản tư liệu ảo được chứa trong các máy chủ, trong các đĩa cứng mà nội dung là những dữ liệu điện tử. Tính đến năm 2015, theo báo cáo của UNESCO, đã có 238 di sản tư liệu được đưa vào Chương trình Ký ức thế giới.

1.2- Đối với Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia có nhiều dân tộc cùng chung sống, trải qua nhiều biến cố của lịch sử đấu tranh và phát triển, đã xây dựng được kho di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng và có giá trị. Điều đó được thể hiện ở rất nhiều khía cạnh, cả về hình thức và nội dung. Có thể nói, di sản văn hóa là bước đi từ sáng tạo, đến tư liệu, rồi phổ biến lưu truyền để được cộng đồng và xã hội tiếp nhận. Tư liệu được hình thành rõ nét khi xuất hiện các ký tự, chữ viết, dựa trên nhu cầu trao đổi thông tin trong lao động, sản xuất, giao thương giữa cộng đồng và xã hội. Những ký tự thường dưới dạng biểu tượng dẫn hoàn thiện phát triển thành chữ viết, ban đầu được thể hiện trên cát, trên vỏ, lá cây; sau được khắc trên đất nung, đá, tre, gỗ, giấy, lụa... rồi được in, sao chép trên các chất liệu hiện đại, như: CD, VCD, microfilm... Do đó, di sản tư liệu chính là tư liệu hóa những sáng tạo văn hóa, là nhân tố quan trọng để thúc đẩy xã hội tiến lên thông qua sự kế thừa những tri thức hay kinh nghiệm từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này, sang thế hệ khác, trở thành bản sắc văn hóa riêng của quốc gia, dân tộc. Hiện nay, ở Việt Nam, vẫn còn lưu giữ được các tư liệu rất có giá trị về nội dung và phong phú về loại hình chất liệu, như: kinh Phật trên lá buông ở An Giang, nhiều văn bia trên đá, mộc bản, trên giấy ở nhiều nơi trên toàn quốc và đặc biệt đã có 6 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh trong Chương trình Ký ức thế giới.

Việc bảo vệ di sản tư liệu đã được các thế hệ ông cha quan tâm trong suốt chiều dài của lịch sử, từ việc gìn giữ trong các di tích, thư viện, kho lưu trữ đến trong các gia đình, dòng họ... Ban đầu, khi bắt đầu có ký tự, việc lưu trữ không được chú trọng; các tư liệu chỉ thật sự được quan tâm từ khi bắt đầu hình thành chữ viết. “Đến thế kỷ X, nhà Đinh Lê đến nhà Lý mới có sách, kinh, bia đá⁶”. Tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh, cùng với sự ảnh hưởng của các tôn giáo trong xã hội (Nho giáo, Phật giáo), với

những tư liệu thể hiện bằng chữ Hán - Nôm đến cuối thế kỷ XVIII và chữ quốc ngữ từ đầu thế kỷ XIX. Các hình thức lưu trữ tài liệu cũng dần được chú trọng, từ không gian chung, trong đền chùa, đến phòng thư viện, trong văn miếu.... với các phương thức bảo quản tốt hơn, tuân theo các quy định phù hợp với từng cấp lưu trữ.

Năm 1945, ngay sau khi tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 65/SL về bảo tồn cổ tích trong toàn cõi Việt Nam, Điều 04 đã nhấn mạnh: "Cấm phá huỷ những đình chùa, đền, miếu hoặc những nơi thờ tự khác, những cung điện, thành, quách cùng lăng mộ chưa được bảo tồn. Cấm phá huỷ những bi ký, đồ vật, chiếu sắc, văn bằng, giấy má, sách vở có tính sách tôn giáo hay không, nhưng có ích cho lịch sử mà chưa được bảo tồn"⁷.

Năm 2001, Quốc hội nước ta ban hành *Luật di sản văn hóa*, đến năm 2009, tiếp tục thông qua *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa*, khẳng định: "Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta". Đây thực sự là hành lang pháp lý vững chắc trong hoạt động nghiên cứu, quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và di sản tư liệu nói riêng.

Theo Điều 1, *Luật di sản văn hóa* quy định: "Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"⁸.

Theo Điều 2, Chương I, *Luật lưu trữ* được thông qua năm 2011, "Tài liệu là vật mang tin được hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tài liệu bao gồm văn bản, dự án, bản vẽ thiết kế, bản đồ, công trình nghiên cứu, sổ sách, biểu thống kê; âm bản, dương bản phim, ảnh, vi phim; băng, đĩa ghi âm, ghi hình; tài liệu điện tử; bản thảo tác phẩm văn học, nghệ thuật; sổ công tác, nhật ký, hồi ký, bút tích, tài liệu viết tay; tranh vẽ hoặc in; ấn phẩm và vật mang tin khác"⁹.

Theo *Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10382-2014: Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung*: "Di sản tư liệu là sản phẩm mang thông tin được hình thành từ những kí hiệu, mật

mã, âm thanh hoặc hình ảnh dưới nhiều dạng thức độc đáo, phản ánh thành tựu tiêu biểu về lịch sử, tư tưởng, văn hóa và khoa học"¹⁰.

Từ năm 2009 đến nay, bằng sự nỗ lực của Chính phủ và cộng đồng, UNESCO đã ghi danh 06 di sản tư liệu tại Việt Nam. Trong đó, có 02 di sản tư liệu thế giới là Mộc bản triều Nguyễn (Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV, Lâm Đồng) và 82 bia Tiến sĩ thời Lê-Mạc (Trung tâm Văn hóa Khoa học Văn miếu - Quốc Tử giám, Hà Nội); 04 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), Châu bản triều Nguyễn (Trung tâm Lưu trữ quốc gia I, Hà Nội), Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (Thừa Thiên Huế) và Mộc bản trường học Phúc Giang (Hà Tĩnh).

2- Di sản tư liệu ở Việt Nam - những cơ hội và thách thức

2.1- Cơ hội

Sau khi 06 di sản tư liệu Việt Nam được UNESCO ghi danh, các vấn đề về di sản tư liệu đã được mổ xẻ, quan tâm, chú trọng từ các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, đến các tổ chức và lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng. Nhiều các tài liệu quý, hiếm đang có nguy cơ bị hủy hoại hoặc mất đi phải được các cơ quan chức năng quan tâm hơn, như: tài liệu lá buông (An Giang), sách Thái cổ (Sơn La), vườn bia đá cổ (Hải Dương), các văn bản hành chính liên quan đến các mốc lịch sử quan trọng (Cục Văn thư Lưu trữ Nhà nước),...

- Về định hướng, chính sách: Trong những năm gần đây, các vấn đề về lý luận và thực tiễn, hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được Việt Nam rất quan tâm. Bên cạnh việc tham khảo, tuân thủ các văn bản của UNESCO, ICOM, ICOMOS, IFLA, MOW và các quốc gia có sự tương đồng văn hóa, chúng ta đã thực sự bắt tay vào xây dựng một hệ thống văn bản bắt kịp với sự phát triển chung của toàn xã hội.

Sau nhiều năm nghiên cứu, thu nhận về mặt lý luận, kết hợp với hoạt động thực tiễn, những thuật ngữ, định nghĩa về di sản tư liệu và các vấn đề liên quan đã được đưa vào TCVN 10382:2014 (do Cục Di sản văn hóa biên soạn), để trong thời gian tới, có thể sẽ được bổ sung vào *Luật di sản văn hóa*.

Ngày 02 tháng 3 năm 2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/2007/CT-TTg về tăng cường bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ

quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lưu trữ để nâng cao hơn nữa nhận thức về công tác này;

2. Bố trí đủ kho tàng để bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ. Đến năm 2010, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có kho lưu trữ chuyên dụng; tiến tới các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cũng phải có kho chuyên dụng; các xã, phường, thị trấn phải bố trí diện tích thỏa đáng trong trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân để tập trung bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ có giá trị của địa phương mình. Kho lưu trữ phải đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

Năm 2011, *Luật lưu trữ* được Quốc hội thông qua cùng với việc ban hành *Nghị định hướng dẫn thực hiện Luật* nhưng chưa nhắc đến di sản tư liệu và các vấn đề liên quan, mặc dù, việc đứng ra là đầu mối quốc gia và xây dựng hồ sơ trình UNESCO vinh danh di sản tư liệu thế giới được Thủ tướng Chính phủ tạm giao cho Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước thuộc Bộ Nội vụ. Tại Điều 26 (Chương III) về Quản lý tài liệu lưu trữ quý, hiếm, *Luật lưu trữ* có nêu rõ: "Tài liệu lưu trữ quý, hiếm không phân biệt hình thức sở hữu được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lưu trữ ở trung ương và cấp tỉnh, được lựa chọn để đăng ký vào chương trình, danh hiệu của khu vực và thế giới".

- Về hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, cũng đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam rất quan tâm. Đặc biệt, 6 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh đã xây dựng và được Chính phủ phê duyệt Dự án bảo vệ và phát huy giá trị cho riêng từng di sản, phù hợp với từng địa phương, cơ quan quản lý.

Nội dung mà các di sản tư liệu thế giới được ghi danh tại Việt Nam là tài sản vô giá, là bằng chứng vô cùng xác thực, là bài học kinh nghiệm thực tiễn về diễn trình phát triển chính trị, văn hóa, kinh tế của một thời kỳ lịch sử. Bên cạnh đó, việc được vinh danh các di sản tư liệu quý trong nước còn có ý nghĩa đặc biệt trong việc nâng cao nhận thức của xã hội, đẩy mạnh sự quan tâm của các cấp và cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu không chỉ hôm nay mà cho các thế hệ mai sau.

Các tư liệu này vô cùng quan trọng, cần được công bố rộng rãi để thế giới có bức tranh toàn cảnh về biên giới quốc gia, cũng như những chính sách và hoạt động của các triều đại phong kiến ở Việt Nam (Mộc bản triều Nguyễn, Châu bản triều Nguyễn) về xây dựng bộ máy chính trị, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa... Và, trên thực tiễn, việc công bố và vinh danh các di sản tư liệu này đã giúp Việt Nam có tiếng nói vững chắc trong việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên diễn đàn thế giới.

Di sản tư liệu có tác dụng không nhỏ cho công tác tuyên truyền văn hóa đọc, nâng cao tinh thần ham học, giáo dục truyền thống lịch sử, phát huy bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập chung trong nước và quốc tế cho các thế hệ. Từ nội dung đơn giản cho các lứa tuổi học sinh của sách giáo khoa trong Mộc bản trường học Phúc Giang đến việc ghi danh bằng vàng trên các Bia Tiến sĩ thời Lê-Mạc; hay những chặng đường hình thành lịch sử của Phật giáo và những đúc kết từ hiện thực cuộc sống về các bài thuốc dân gian, đánh dấu sự phát triển của y học, khoa học... chứa đựng trong Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm...

2.2- Những thách thức

Việt Nam là một quốc gia có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời. Các nguồn sử liệu chữ viết đã hình thành và sản sinh cùng với lịch sử đất nước. Hiện nay, các trung tâm lưu trữ, viện nghiên cứu, thư viện, bảo tàng, cơ quan thông tấn báo chí... đang lưu giữ nhiều ấn phẩm, tài liệu có giá trị trên các vật mang tin, như giấy, ảnh, bia đá, gỗ, lá, phim ảnh, ghi âm, điện tử... Tuy nhiên, việc quản lý, giới thiệu các nguồn tư liệu này còn phân tán, chưa thống nhất. Mặt khác, do hậu quả của các cuộc chiến tranh trước đây, cộng với khí hậu khắc nghiệt nên các di sản tài liệu một phần bị mất mát, huỷ hoại hoặc bị phân tán, lưu giữ rải rác, tản mát ở nhiều nơi trong nước và nước ngoài. Qua điều tra, khảo sát sơ bộ cho thấy, các tài liệu đó đang trong tình trạng xuống cấp nghiêm trọng, chưa có chế độ bảo quản thích hợp, thiếu cơ chế khai thác sử dụng.

Theo kết quả nghiên cứu của tác giả, hiện trạng 6 di sản tư liệu được UNESCO ghi danh ở Việt Nam như sau:

TT	Tên di sản tư liệu	Niên đại	Số lượng	Tình trạng
1.	Mộc bản triều Nguyễn	TK. XIX	152 đầu sách, 34.618 mộc bản, 55.318 trang	Tàn khuyết
2.	82 bia tiền sử thời Lê - Mạc	TK. XV - XIII	82 bia đá	Nguyên vẹn (trọng đối)
3.	Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm	TK. XVIII - XX	8 bộ kinh, sách, 3.050 ván, 6.000 trang	Nguyên vẹn (trọng đối)
4.	Châu bản triều Nguyễn	TK. XIX - XX	773 tập, tương đương khoảng 85.000 văn bản	Nguyên vẹn (trọng đối)
5.	Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế	TK. XIX - XX	2.967 ô thơ văn chạm khắc, 146 ô thơ văn - chữ trảng men pháp lam và 88 đơn vị ô học, câu đối, bài văn	Tàn khuyết
6.	Mộc bản Trường học Phúc Giang	TK. XVIII - XIX	2.000 ván	Tàn khuyết

Với 6 di sản đã được UNESCO ghi danh là động lực không nhỏ thúc đẩy việc xác định giá trị, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. Di sản tư liệu là loại hình di sản mới ở Việt Nam nên việc nghiên cứu một cách tổng thể về vấn đề này vẫn còn đang bỏ ngỏ cả về lý luận và thực tiễn, một số vấn đề được rút ra như sau:

Thứ nhất, việc mất mát, thất lạc tài liệu có giá trị do các nguyên nhân từ lịch sử để lại như chiến tranh, thiên tai và do cả hạn chế về nhận thức của con người gây nên. Ngoài ra, sự thay thế của triều đại này bằng một triều đại khác cũng có thể là nguyên nhân làm cho một số di sản văn hóa bằng giấy bị tiêu hủy. Một nguyên nhân quan trọng khác làm cho di sản tư liệu bị hủy hoại là do điều kiện tự nhiên (thời tiết, côn trùng, nấm mốc...) của Việt Nam với kiểu khí hậu ẩm ướt, nắng nóng. Đây là môi trường lý tưởng cho sự phát triển của các loại côn trùng, vi sinh vật gây hại, đồng thời cũng là tác nhân làm cho tài liệu dễ bị hủy hoại hơn.

Thứ hai, nếu như di sản văn hóa thế giới và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được điều chỉnh và chịu sự ràng buộc theo các Công ước quốc tế liên quan, thì di sản tư liệu mới chỉ là một sáng kiến mới được hình thành với hướng dẫn cơ bản. Chương trình Ký ức thế giới thực sự mới triển khai từ năm 1992, với sự tham gia tương đối muộn của Việt Nam, vì vậy, còn khá mới mẻ (năm 2005 mới thực sự quan tâm, đến năm 2009 mới có 01 di sản tư liệu được vinh danh) và thiếu vắng các văn bản quy phạm về vấn đề này.

Thứ ba, các cơ quan có chức năng bảo tồn di sản văn hóa nói chung trong đó có những nơi lưu giữ di sản tư liệu nói riêng được thành lập, cải tạo, mở

rộng và nâng cấp thành một hệ thống cơ quan chuyên môn khá đa dạng về loại hình hoạt động, như: hệ thống trung tâm lưu trữ từ Trung ương đến địa phương, lưu trữ trong các cơ quan, đơn vị; hệ thống bảo tàng quốc gia và bảo tàng địa phương (hiện đang phát triển cả các loại hình bảo tàng ngoài công lập); hệ thống thư viện quốc gia, thư viện địa phương, thư viện trong cơ quan nghiên cứu và thư viện trong trường học; tài liệu lưu ở các khu di tích trên cả nước; tài liệu ở các bộ sưu tập tư nhân... Sự đa dạng này là nguyên nhân khiến cho việc thống kê, nhận diện, phân loại di sản tư liệu trong cả nước không hề dễ dàng.

Thứ tư, bộ máy cơ quan quản lý di sản tư liệu ở nước ta thời gian qua đang có sự chông chéo, chưa rõ trách nhiệm. Chưa xây dựng được quy trình phối hợp chặt chẽ, để phân định trách nhiệm giữa các cơ quan của Chính phủ (Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia). Việc quy hoạch tổng thể ngắn hạn, dài hạn, các quan điểm và mục tiêu chiến lược cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu còn chưa được đề ra và quá mờ nhạt, chưa định hướng được con đường cụ thể và các tiêu chí xác nhận giá trị chặt chẽ cho di sản tư liệu Việt Nam. Đó cũng chính là lí do, chưa thể triển khai các hoạt động xây dựng Danh mục di sản tư liệu quốc gia hiện nay.

Thứ năm, việc nhận thức về tầm quan trọng của công tác nhận diện và xác định giá trị di sản tư liệu chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến công tác bảo vệ cũng chưa được bài bản, thống nhất và trên quy trình chung. Cộng đồng còn thờ ơ, chưa thực sự chung tay với các nhà quản lý nhằm đi tới một tiếng nói chung về việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản.



Mộc bản chùa Vinh Nghiêm (Bắc Giang) - Ảnh: Tác giả

Chưa có một sơ kết, đánh giá thuận lợi - khó khăn, thành tựu - hạn chế của việc tham gia vào Chương trình Ký ức thế giới của Việt Nam. Từ việc triển khai công tác bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu được vinh danh, rút kinh nghiệm từ các bài học của bạn bè quốc tế, đưa ra bức tranh toàn cảnh về những thách thức, cơ hội nhằm đưa ra những định hướng và chính sách tổng thể phù hợp và hiệu quả.

Thứ sáu, kinh phí dành cho công tác bảo quản, phát huy giá trị di sản tư liệu còn hạn chế so với tiềm năng và nhu cầu thực tế của di sản. Việc tuyên truyền, giáo dục thông qua nội dung di sản tư liệu chứa đựng còn rời rạc, manh mún, chưa có tiếng nói hòa chung với di sản vật thể, phi vật thể. Ngay trong chính bản thân các di sản tư liệu được ghi danh cũng chưa có sự kết nối để tạo nên hiệu quả tổng thể từ các tư liệu mang lại.

Thứ bảy, các di sản tư liệu quý có giá trị hiện nay của nước ta phần lớn là tài liệu được thể hiện bằng chữ Hán - Nôm. Đây chính là một khó khăn, trở ngại lớn cho những người làm công tác bảo tồn di sản cũng như công chúng khi tiếp cận với di sản. Nếu không biết, không giỏi chữ Hán - Nôm thì cán bộ chuyên môn cũng như độc giả không thể đọc trực tiếp để hiểu nội dung tài liệu gốc, từ đó không thể bóc tách, xác định được chính xác các lớp giá trị bên trong nội dung tài liệu đã phản ánh.

Thứ tám, công tác đào tạo nguồn nhân lực làm công tác bảo quản, phục chế tại các trường đào

tạo của Việt Nam còn nặng về lý thuyết, thiếu tính thực tiễn. Do đó, khi vào làm việc thực tế tại các bảo tàng, thư viện, lưu trữ sẽ khó bắt nhịp với thực tiễn công việc và phải mất một thời gian làm quen, thậm chí phải đào tạo bổ sung cho cán bộ mới của mình.

3- Đề xuất một số định hướng nâng cao hiệu quả bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu ở Việt Nam

Tuy chỉ mới tham gia Chương trình Ký ức Thế giới từ năm 2007, bằng sự nỗ lực, Việt Nam đã được UNESCO ghi danh 06 di sản tư liệu thế giới có giá trị đặc biệt. Trong suốt 10 năm triển khai, bên cạnh các thành quả đạt được, Việt Nam đã rút ra được nhiều kết quả, kinh nghiệm thực tiễn nhằm định hướng và hoàn thiện hơn nữa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu hiện nay.

- Định hướng về hệ thống chính sách: trên cơ sở không trái các quy định của UNESCO và pháp luật Việt Nam, đảm bảo thực hiện được các chủ trương đề ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Xây dựng, hệ thống hóa và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở các nội dung đã được quan tâm và đề cập trong Điều 26 của Luật lưu trữ và Khoản 2.1 của TCVN 10382:2014: Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và Định nghĩa

chung. Đây là những bước khởi đầu quan trọng để kiến nghị bổ sung hệ thống quy định pháp luật về di sản văn hóa thời gian tới.

Cơ quan được giao chủ trì các đề án, dự án đã được Chính phủ phê duyệt về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu đã được ghi danh cần báo cáo đánh giá đầy đủ các giai đoạn thực hiện, để tổng kết, rút ra những bài học thực tiễn, kết tinh thành các quy định, điều lệ thực tiễn áp dụng giúp cho sửa đổi, bổ sung vào hệ thống văn bản quy phạm hiện nay về bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu nói chung.

Chú trọng định hướng xây dựng Chiến lược phát triển, Đề án tổng thể cho việc nghiên cứu, nhận diện, sưu tầm, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu trên toàn quốc với các mục tiêu, kết quả cụ thể trong giai đoạn ngắn hạn và dài hạn.

Xây dựng chiến lược chính sách ưu tiên về con người, đầu tư kinh phí, chế độ kiểm tra, thanh tra nhằm nâng cao hiệu quả việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

- Định hướng về quản lý, bảo vệ, phát huy giá trị

Về quản lý: cần điều chỉnh và thông qua các mô hình quản lý về di sản tư liệu không chồng chéo, phối hợp hiệu quả, thống nhất và phân cấp từ Trung ương đến địa phương.

Về bảo vệ: cần triển khai theo hướng mở, để gia tăng sự lan tỏa giá trị di sản nhưng không được làm ảnh hưởng đến hiện trạng và tuổi thọ của chúng. Tăng cường công tác nhận diện, kiểm kê, nghiên cứu nhằm đưa ra những phương pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu có hiệu quả trên thực tiễn và phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

Bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu phải góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương (nơi có di sản) và cả nước, đồng thời góp phần củng cố quan hệ và sự hợp tác giữa chính quyền các cấp với các vị chức sắc tôn giáo/cơ quan, tổ chức đang lưu giữ tài liệu, với nhân dân ở địa phương.

Công tác tuyên truyền, quảng bá được chú trọng dưới nhiều hình thức: xuất bản tài liệu, triển lãm trưng bày, tổ chức festival, hội thảo trong nước, quốc tế, giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản tư liệu... thu hút sự quan tâm và xây dựng của toàn xã hội.

Tăng cường việc giao lưu, học hỏi chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác với các quốc gia trong khu vực và

trên thế giới về việc quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu.

- Định hướng tăng cường các nguồn lực: về nhân lực tăng cường việc đào tạo trình độ chuyên môn tại các trường đại học bằng việc cập nhật các giáo trình mới, phù hợp yêu cầu thực tiễn. Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác chuyên môn tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan đến di sản tư liệu.

Đầu tư kinh phí, trang thiết bị cơ sở vật chất cho việc nhận diện, kiểm kê, nghiên cứu, bảo vệ và phát huy giá trị di sản, cụ thể: xây dựng kế hoạch kinh phí thường xuyên cho việc kiểm kê, nghiên cứu đối với những di sản chưa được vinh danh và chưa rõ giá trị; ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ mới trong việc số hóa, tư liệu hóa, xuất bản, tuyên truyền về giá trị của di sản... Tận dụng nguồn kinh phí được cấp, thu chi hiệu quả các nguồn thu từ dịch vụ và có cơ chế quản lý, thu hút nguồn vốn xã hội hóa từ các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế cho các hoạt động liên quan đến di sản tư liệu.

Trong thời đại bùng nổ thông tin với sự phát triển vượt bậc về khoa học công nghệ, sự biến đổi khí hậu khắc nghiệt đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ và sự thờ ơ của chính con người đã khiến cho di sản văn hóa nói chung, di sản tư liệu nói riêng, đang bị xâm hại nghiêm trọng, dần bị mai một và có thể biến mất vĩnh viễn. Vì vậy, việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu - một minh chứng về lịch sử, văn hóa của nhân loại, thật sự là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn, trở nên cấp thiết đối với xã hội hôm nay và cho các thế hệ mai sau./.

D.T.K.N

Chú thích:

- 1- UNESCO (1972), Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.
 - 2- UNESCO (2003), Công ước về việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.
 - 3,4,5- UNESCO (2010), Hướng dẫn bảo vệ và phát huy di sản tư liệu.
 - 6- Lê Văn Viết (2004), "Di sản văn hóa thành văn trong các thư viện Việt Nam: hiện trạng và giải pháp" - Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
 - 7- Sắc lệnh của Chủ tịch Chính phủ lâm thời số 65 ngày 23/11/1945 về bảo tồn cổ tích trong toàn cõi Việt Nam.
 - 8- Luật di sản văn hóa năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật di sản văn hóa năm 2009.
 - 9- Luật lưu trữ năm 2011.
 - 10- TCVN 10382:2014: Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan- Thuật ngữ và Định nghĩa.
- (Ngày nhận bài: 13/10/2016; ngày phản biện đánh giá: 25/10/2016; ngày duyệt đăng bài: 16/11/2016).